

Bản án số: 42/2024/DS-ST

Ngày: 13/6/2024

*V/v “Tranh chấp hợp
đồng tín dụng”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thùy**

Hội thẩm nhân dân: - Ông **Huỳnh Thanh Trà**

- Ông **Đặng Công Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Tuyết Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Hà Thị Thu Hiếu** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 279/2023/TLST-DS ngày 25.10.2023 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐST-DS ngày 25.04.2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 30a/2024/QĐST-DS ngày 26.05.2024 giữa:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, 266-268 đường N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền có ông Nguyễn Văn N. Sinh năm 1983 - Chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ. Địa chỉ: 130-132 đường B, quận H, thành phố Đà Nẵng (Giấy ủy quyền số 267/2024/UQ-CNĐN ngày 26.02.2024). (có mặt)

*** Bị đơn:** Bà Phạm Thị Xuân D - Sinh năm 1989.

Địa chỉ: 109 đường H, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 15.06.2023, bản tự khai ngày 15/06/2023, 03/04/2024, 13/06/2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) ông Nguyễn Văn N trình bày:**

Ngày 24/03/2017, bà Xuân D có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Xuân D, Ngân hàng đã cấp hạn mức tín dụng 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng) với mục đích: tiêu dùng cá nhân.

Đến ngày 30/11/2022 bà Xuân D đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 426.299.320 đồng. Bà Xuân D đã thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền 410.831.701 đồng. Trong đó: phí trễ hạn: 180.000 đồng, phí vượt hạn mức: 458.097 đồng, phí khác: 2.989.440 đồng, lãi 19.735.077 đồng và thanh toán gốc 387.469.087 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Đến ngày 01/12/2022 bà Xuân D vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà Xuân D và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu (Dư nợ) sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Từ ngày 01/04/2023 đến 13/06/2024 bà Xuân D đã thanh toán thêm cho ngân hàng 2.075.500 đồng.

Tính đến ngày 13/06/2024, bà Xuân D còn nợ ngân hàng các khoản sau:

- Dư nợ: 42.135.575 đồng
- Lãi quá hạn: 25.929.556 đồng
- *Tổng cộng: 68.065.131 đồng (Sáu mươi tám triệu, không trăm sáu mươi lăm ngàn, một trăm ba mươi một đồng)*

Lãi suất trong hạn: 2.60%/tháng

Lãi suất quá hạn: 3.9%/tháng (2.60%x150%)

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà Xuân D có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà Xuân D vẫn chưa thanh toán cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản và điều kiện đã quy định tại Hợp đồng

Do vậy, tại phiên tòa hôm nay đại diện cho nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án xem xét buộc bị đơn là bà Phạm Thị Xuân D phải trả toàn bộ tổng số tiền nợ gốc và lãi (Lãi tạm tính đến hết ngày 13.06.2024) là 68.065.131 đồng (Sáu mươi tám triệu, không trăm sáu mươi lăm ngàn, một trăm ba mươi một đồng) trong đó: Tiền nợ gốc là: 42.135.575 đồng; Nợ lãi là 25.929.556 đồng. Lãi suất được tiếp tục tính từ ngày 14.06.2024 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 24/03/2017 đã ký kết.

*** Đối với bị đơn:** Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập họp lệ nhiều lần cho bị đơn để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bà Phạm Thị Xuân D không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc và lãi (Lãi tạm tính đến hết ngày 13/06/2024) là 68.065.131 đồng (Sáu mươi tám triệu, không trăm sáu mươi lăm ngàn, một trăm ba mươi một đồng) trong đó: Tiền nợ gốc là: 42.135.575 đồng; Nợ lãi là 25.929.556 đồng. Lãi suất được tiếp tục tính từ ngày 14/06/2024 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 24/03/2017 đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP S với bà Phạm Thị Xuân D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận H theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã giao kết là hợp đồng có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Ngân hàng yêu cầu bà Phạm Thị Xuân D trả tổng số tiền nợ gốc và lãi (Lãi tạm tính đến hết ngày 13/06/2024) là 68.065.131 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi tám triệu, không trăm sáu mươi lăm ngàn, một trăm ba mươi một đồng) trong đó: Tiền nợ gốc là: 42.135.575 đồng; Nợ lãi là 25.929.556 đồng. Lãi suất được tiếp tục tính từ ngày 14/6/2024 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 24/03/2017 đã ký kết. Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 24/03/2017 giữa Ngân hàng và bà Phạm Thị Xuân D được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Xuân D trả tổng số tiền nêu trên, là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, do bà Phạm Thị

Xuân D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 24/03/2017 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ với Ngân hàng là phù hợp quy định pháp luật.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bà Phạm Thị Xuân D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận H tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và đề xuất về nội dung là đúng các quy định của pháp luật và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010.

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" của Ngân hàng TMCP S đối với bà Phạm Thị Xuân D.

Xử:

1. Buộc bà Phạm Thị Xuân D có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền nợ gốc và lãi (Lãi tạm tính đến hết ngày 13/6/2024) là 68.065.131 đồng (**Bằng chữ:** Sáu mươi tám triệu, không trăm sáu mươi lăm ngàn, một trăm ba mươi một đồng) trong đó: Tiền nợ gốc là: 42.135.575 đồng; Nợ lãi là 25.929.556 đồng. Lãi suất được tiếp tục tính từ ngày 14/6/2024 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 24/03/2017 đã ký kết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị Xuân D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.403.257 đồng (*Ba triệu bốn trăm linh ba ngàn hai trăm năm bảy đồng*). Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.219.922 đồng (*Một triệu, hai trăm mười chín ngàn, chín trăm hai mươi hai đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0001273 ngày 17/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát quận H;
- Các đương sự;
- Chi cục THASDS quận H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Thùy